

Số: /BC-TCTTKĐA

Cẩm Lương, ngày tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện Đề án 06
(06 tháng đầu năm 2023)

Thực hiện công văn số: 1544/UBND-CA ngày 29/06/2023 của UBND huyện về việc xây dựng báo cáo định kỳ kết quả triển khai Đề án 06. Tổ Đề án 06 xã Cẩm Lương báo cáo kết quả triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Những nhóm nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp thực hiện Đề án 06 của đơn vị trong năm 2023 (được giao tại Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 24/02/2023 và các chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện):

- Thường xuyên chỉ đạo việc tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân sử dụng VNeID tài khoản mức 2 tương đương với thẻ Căn cước công dân, bảo hiểm y tế trong quá trình giao dịch dân sự, thực hiện thủ tục hành chính. Chỉ đạo các bộ phận chức năng chấp nhận việc người dân xuất trình các giấy tờ tùy thân thông qua tài khoản VNeID mức 2.

- Điều tra cơ bản đặc thù của từng vùng trên địa bàn để áp dụng triển khai Đề án 06, mô hình thực hiện dịch vụ công có hiệu quả tại cụm dân cư, các thôn trên địa bàn xã.

- UBND xã đã chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện việc áp dụng 07 phương thức ứng dụng dữ liệu dân cư; sử dụng CCCD, thiết bị đọc mã QRcode, chip trên thẻ CCCD để đảm bảo quyền lợi của nhân dân khi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy không còn giá trị sử dụng.

- Bố trí tại bộ phận một cửa có 01 máy tính kết nối mạng internet để hướng dẫn tạo tài khoản định danh điện tử và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến cho công dân.

- Chỉ đạo Bộ phận một cửa cấp xã trong quá trình tiếp công dân tiến hành tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản định danh cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến; phấn đấu đạt tỷ lệ 100% người dân sử dụng tài khoản định danh cá nhân thực hiện dịch vụ công (với những tài khoản người dân đã mở trên cổng dịch vụ công quốc gia trước đó sẽ thực hiện chuyển đổi theo lộ trình của Đề án 06).

- UBND đã có sự bố trí, hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết để các Tổ công tác triển khai Đề án 06 tại địa phương thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Huy động nguồn nhân lực để làm sạch các dữ liệu của ngành Tư pháp, Lao động, Thương binh và Xã hội, y tế, đất đai, nhà ở, dữ liệu của các hội, đoàn thể... để kết nối, đồng bộ với CSDLQG về DC. Chỉ đạo Tổ công tác Đề án 06 thực hiện thống kê, rà soát, cập nhật làm sạch dữ liệu đảm bảo thông tin công dân luôn “đúng, đủ, sạch, sống”.

II. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC

1. Công tác chỉ đạo, triển khai

1.1. Công tác chỉ đạo, triển khai

a. Trong tháng 6, UBND xã đã nghiêm túc triển khai, quán triệt các văn bản chỉ đạo của cấp trên, cụ thể là:

- Tiếp tục triển khai Công văn số: 1239/UBND-CA ngày 18/3/2023 của UBND huyện Cẩm Thủy về “Tiếp tục đẩy mạnh hướng dẫn người dân cài đặt, kích hoạt sử dụng tài khoản định danh điện tử”.

- Quyết định số 1486/UBND-CA ngày 22/6/2023 của UBND huyện Cẩm Thủy V/v: “Khẩn trương triển khai việc đăng ký, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID trên địa bàn toàn huyện”.

- Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND huyện về việc Kiện toàn tổ công tác, tổ giúp việc triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 huyện Cẩm Thủy”.

- Quyết định số 76/TCTTKĐA06 ngày 29/6/2023 của UBND huyện Cẩm Thủy v/v: “Thành lập các Tiểu ban thuộc Tổ Công tác Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 huyện Cẩm Thủy”

b. Các văn bản triển khai của địa phương theo lộ trình Đề án; tại các Nghị quyết của Chính phủ, Thông báo ý kiến chỉ đạo của TTCP, Phó TTCP. Đặc biệt là tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 và 18 nhiệm vụ (theo Công văn số 209/TCT ngày 01/02/2023 của Tổ công tác).

- Ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2023 V/v “Thực hiện tuyên truyền chuyển đổi số trên địa bàn xã Cẩm Lương năm 2023”.

- Ban hành Phương án số 07/PA-ĐA06 ngày 16/6/2023 V/v “Huy động lực lượng tuyên truyền, hướng dẫn đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử”.

- Tham mưu ban hành Quyết định kiện toàn tổ công tác triển khai đề án phát triển dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử.

- Tham mưu ban hành Quyết định thành lập và giao chỉ tiêu cho các tổ công tác cài đặt và kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Kết quả đến nay đạt 105% tỉ lệ kích hoạt tài khoản DDDT mức 1,2 theo chỉ tiêu UBND huyện giao.

c. Kết quả của cơ quan Công an với vai trò thường trực:

- Tham mưu, triển khai cho UBND xã các công văn chỉ đạo của Công an cấp trên; Tham mưu cho Chủ tịch UBND xã thành lập các tổ hướng dẫn, cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử trong đợt cao điểm để đạt chỉ tiêu theo đúng thời gian UBND tỉnh yêu cầu.

- Công tác phối hợp giữa các đơn vị có liên quan trong triển khai thực hiện Đề án 06

+ Phối hợp với Đoàn thanh niên, hội phụ nữ thực hiện tuyên truyền, đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho nhân dân trên địa bàn các thôn với phương châm: đi từng nhà, rà từng ngõ.

+ Các đơn vị trạm y tế xã, trường THCS Cẩm Lương thường xuyên trao đổi, phối hợp với lực lượng Công an trong việc rà soát số định danh cá nhân, thông tin tiêm chủng, nhập thông tin học sinh qua tra cứu DLQG về dân cư.

+ Công an xã Cẩm Lương phối hợp với cán bộ công chức tư pháp xã: xác minh tính pháp lý của giấy khai sinh trong việc thực hiện cấp huỷ số định danh cho công dân, rà soát thông tin công dân thiếu trường thông tin bố mẹ, kiểm tra dữ liệu định danh cá nhân các trường hợp mới sinh chưa thực hiện đăng ký thường trú.

+ Phối hợp cán bộ công chức chính sách rà soát bổ sung thông tin công dân thiếu định danh cá nhân, sai thông tin không đồng bộ trên hệ thống bảo hiểm xã hội, rà soát hộ cận nghèo, hộ nghèo.

1.2. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, vướng mắc và giải pháp khắc phục

a. Ưu điểm: Gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo đúng quy định: Các bộ phận công chức chuyên môn đã khai thác và sử dụng được dữ liệu điện tử, khi giao dịch, giải quyết các thủ tục hành chính nhanh gọn về mặt thủ tục và hồ sơ, không phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

b. Tồn tại, hạn chế

- Đa số nhiều người dân tuy đã được tuyên truyền về các tiện ích của Đề án 06 nhưng chưa dùng nhiều.

- Hiện nay do các tiện ích ứng dụng trong đề án 06 rất nhiều tiện ích tuy nhiên chưa thực sự đi vào đời sống của nhân dân, do đó một bộ phận đa số người dân chưa thấy thực sự cần thiết nên chưa sử dụng.

c. Nguyên nhân

- **Khách quan:** Là địa bàn có tỉ lệ dân cư là người dân tộc thiểu số lớn, nhận thức của người dân về những tiện ích của CCCD gắn chip, Định danh điện tử, dịch vụ công thiết yếu còn rất nhiều hạn chế. Đời sống còn nhiều khó khăn, tỉ lệ người có điều kiện sử dụng điện thoại thông minh,

- **Chủ quan:** Hệ thống thường xuyên bị lỗi, nghẽn mạng; kết nối hệ thống mạng còn thấp, do đó việc tuyên truyền trên không gian mạng đến nhân dân chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

d. Giải pháp

Đề xuất Chính phủ, các bộ ngành có liên quan nhanh chóng hoàn thiện và đưa vào sử dụng các tiện ích của Đề án 06.

2. Về công tác tuyên truyền thực hiện Đề án

- **Công tác tuyên truyền về công tác triển khai Đề án 06/CP đối với người dân, cơ quan, doanh nghiệp của cơ quan, đơn vị, địa phương:** được thực hiện thường xuyên, liên tục.

- Kết quả:

+ Phối hợp phát thanh trong xây dựng chương trình tuyên truyền, các bài phát thanh trên loa đến người dân.

+ Công tác tuyên trên các nền tảng mạng xã hội: Trung bình mỗi tuần, Công an xã tuyên truyền 05 bài viết liên quan đến lợi ích của Đề án 06 trên trang Face book Công an xã; trang Zalo và các nhóm ANTT tại các thôn thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đến người dân trên địa bàn.

+ Các hình thức tuyên truyền khác: thông qua các hội nghị, buổi tiếp xúc cử tri...lồng ghép các nội dung tuyên truyền cho người dân về những tiện ích của chuyên đổi số quốc gia.

- **Tồn tại, vướng mắc:** nhiều tiện ích chưa thực sự đi vào đời sống của nhân dân, do đó một bộ phận đa số người dân chưa thấy thực sự cần thiết nên chưa sử dụng.

- Nguyên nhân:

+ **Khách quan:** Tỉ lệ người dân được kết nối với mạng Internet còn thấp, kinh tế người dân còn nhiều khó khăn.

+ **Chủ quan:** người dân chưa quan tâm đến các nội dung tuyên truyền, tồn tại tâm lý ngại nghiên cứu, học hỏi; Cán bộ tuyên truyền đôi lúc mang tính hình thức, trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế.

- Giải pháp:

+ Đổi mới phương pháp tuyên truyền cho người dân;

+ Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao kỹ năng số, kỹ năng bảo mật thông tin trên môi trường mạng, thành thạo sử

dụng công nghệ thông tin, nghiệp vụ phục vụ cho yêu cầu công việc và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: Đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ triển khai Đề án.

3. Về hoàn thiện thể chế

- Đánh giá việc rà soát, sửa đổi 48 Thông tư, Quyết định, văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền có quy định việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy, xác nhận thông tin tại nơi cư trú và kết quả tham mưu công bố công khai sửa đổi các thủ tục hành chính liên quan:

+ Đến nay dịch vụ công đáp ứng từ 90% mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức.

+ Các bộ phận công chức chuyên môn đã khai thác và sử dụng được dữ liệu điện tử, khi giao dịch, giải quyết các thủ tục hành chính nhanh gọn về mặt thủ tục và hồ sơ, không phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

+ Quán triệt, chỉ đạo cụ thể các cơ quan, tổ chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính không yêu cầu người dân phải xuất trình, nộp Sổ hộ khẩu theo quy định của Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn Luật Cư trú như các nhà trường đóng trên địa bàn xã.

- Tồn tại, vướng mắc:

+ Mặc dù đã tuyên truyền, hướng dẫn người dân các tiện ích của ứng dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip, ứng dụng VNeID và cách thức khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tuy nhiên bộ phận lớn người dân vẫn chưa nắm được kỹ năng sử dụng, khai thác dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Nhiều đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp vẫn yêu cầu công dân phải xin xác nhận thông tin về cư trú, gây phiền hà cho người dân

- Nguyên nhân:

+ **Khách quan:** việc số hóa các thủ tục hành chính còn phụ thuộc vào khả năng, điều kiện mỗi người dân; Một số ngành vẫn đang trong quá trình kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chưa thể khai thác thông tin trên môi trường điện tử. chủ quan.

+ **Chủ quan:** Việc áp dụng dữ liệu điện tử của người dân và một bộ phận công chức còn nhiều hạn chế.

+ **Giải pháp:** hoàn thành kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa trong toàn quốc thống nhất, hiệu quả.

4. Về dịch vụ công

- Rà soát, đánh giá hạ tầng đường truyền, máy tính, máy in... nguồn nhân lực thực hiện dịch vụ công của UBND xã và Công an xã.

- Triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử bảo đảm đáp ứng các yêu cầu tại Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

- Thực hiện kết nối, tích hợp hệ thống xác thực định danh điện tử của Công an với Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ định danh, xác thực, tạo lập tài khoản điện tử của cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại UBND xã.

- Hoàn thành triển khai các dịch vụ công thiết yếu (*tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030*) bảo đảm thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ CSDLQG về DC.

- Thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu, cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ và sử dụng có hiệu quả CSDLQG về DC phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

- Triển khai theo dõi, giám sát, đánh giá các chỉ tiêu kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu dân cư từ CSDLQG về DC phục vụ xác thực, định danh và giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên hệ thống đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Số lượng hồ sơ thu nhận trên Cổng DVC:

+ Công an xã đã tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ công: 30 hồ sơ, trong đó: Đăng ký thường trú: 21; Đăng ký tạm trú: 02, Điều chỉnh thông tin trong CSDLQG về DC: 07.

+ Tiếp nhận và giải quyết 25 hồ sơ trong lĩnh vực Tư pháp - hộ tịch; gồm: Khai tử 05 hồ sơ, Đăng ký kết hôn: 08 hồ sơ; Đăng ký khai sinh: 12 hồ sơ.

+ Tiếp nhận và giải quyết 25 hồ sơ dịch vụ công mức độ 3, 4 về lĩnh vực Lao động, thương binh và xã hội.

- Văn bản hướng dẫn thực hiện số hóa dữ liệu của các bộ, ngành: đã có đầy đủ.

- Tiến độ đưa các dịch vụ công lên cổng DVC quốc gia và cổng dịch vụ công cư trú: Khi tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến, không để tình trạng giải quyết hồ sơ chậm, muộn; đẩy nhanh việc thực hiện ký số trên thiết bị di động; nghiên

cứu, tổ chức triển khai thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn 100%, không có hồ sơ quá hạn.

+ Rà soát, đánh giá hạ tầng đường truyền, máy tính, máy in;... nguồn nhân lực: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

+ Kết quả triển khai dịch vụ công: Hoàn thành triển khai các dịch vụ công thiết yếu (tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030) bảo đảm thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ CSDLQG về DC.

+ Thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu, cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ và sử dụng có hiệu quả CSDLQG về DC phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

- Đạt 100% hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính được tiếp nhận trên cổng dịch vụ công.

- Tồn tại, vướng mắc: Phần lớn người dân chưa tiếp xúc nhiều với các thiết bị công nghệ thông tin, dẫn đến khả năng tiếp cận và sử dụng Internet còn thấp, đây là khó khăn, trở ngại khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Nguyên nhân:

+ *Khách quan:* Cán bộ chưa được đào tạo chuyên sâu, phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực vì vậy trong quá trình thực hiện hiệu quả chưa cao.

+ *Chủ quan:* Công tác tuyên truyền còn hình thức dẫn đến hiệu quả chưa cao. Cán bộ chưa chủ động nghiên cứu các văn bản, hướng dẫn để tuyên truyền cho người dân.

- Giải pháp: sử dụng đa dạng các hình thức tuyên truyền đến người dân; nội dung tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm.

5. Nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế, xã hội

- Công tác triển khai công văn số 931/BYT-BHXH ngày 28/02/2022 của Bộ Y tế: Công dân sử dụng thẻ CCCD dần thay thế cho Bảo hiểm y tế để phục vụ khám chữa bệnh: Đã tiến hành rà soát 418 trường hợp đi làm tại các công ty, hiện nay đang tiếp tục phối hợp rà soát.

- Kết quả triển khai ứng dụng của chip điện tử gắn trên thẻ CCCD để xác thực thông tin khách hàng, chống giả mạo (trong lĩnh vực khám chữa bệnh, ngân hàng, thuế): Đang phối hợp với các đơn vị chức năng tiến hành rà soát thực hiện.

- Triển khai an sinh xã hội: xác minh thông tin, chi trả trợ cấp qua CSDL quốc gia về dân cư đối với người thuộc diện hỗ trợ theo Nghị quyết số 11/NQCP;

- **Tồn tại, vướng mắc:** Hiện tại chủ yếu thực hiện theo nhu cầu của công dân khi thực hiện đổi, hoặc hết hạn thẻ bảo hiểm y tế.

- **Nguyên nhân:**

+ Người dân chưa chú trọng quan tâm đến việc chuyển đổi từ số CMND sang CCCD chỉ khi đi giao dịch vướng mắc công dân mới thực hiện.

+ Công tác tuyên truyền còn hạn chế, không chủ động trong tham mưu giải quyết các vấn đề cần thiết, quan trọng ảnh hưởng đến quyền lợi trực tiếp của người dân.

6. Nhóm phục vụ phát triển công dân số

- Công an xã phối hợp với Đội Cảnh sát QLHC về TTXH Công an huyện Cẩm Thủy tiến hành cấp CCCD và xác thực định danh điện tử cho số học sinh chuẩn bị dự thi trên địa bàn xã; rà soát danh sách công dân chưa làm CCCD và công dân đến độ tuổi đi làm CCCD. Tiến hành rà soát sạch dữ liệu các trường thông tin còn thiếu, bị sai lệch hoàn thiện các hồ sơ sai chuyển hồ sơ giải quyết theo quy định.

- Tổ công tác Đề án 06 của xã phối hợp với Công an xã tuyên truyền, hướng dẫn cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 1,2 với 1.112 hồ sơ được kích hoạt thành công.

- **Tồn tại, vướng mắc:** Công dân trên địa bàn chưa quan tâm đến lợi ích của việc sử dụng tài khoản DDDT; tỉ lệ người dân không có điện thoại thông minh kết nối mạng cao, gây khó khăn cho việc tạo tài khoản xác thực DDDT.

- **Nguyên nhân:** do nhận thức của người dân còn hạn chế; điều kiện hoàn cảnh không đáp ứng được việc tiếp cận với chuyển đổi số.

7. Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư:

(1) Kết quả làm sạch dữ liệu của đơn vị:

- Công an xã đã tiến hành rà soát, tra cứu và cập nhập trường thông tin CMND 9 số; xóa trùng thông tin công dân; cập nhập trường thông tin thiếu; Không có chủ hộ hoặc nhiều hơn 01 chủ hộ.

- Công an xã đã phối hợp với các đơn vị địa phương khác rà soát danh sách công dân đang hưởng bảo hiểm xã hội tại các công ty, doanh nghiệp đóng

trên các địa bàn; Qua yêu cầu trao đổi thường xuyên cập nhật danh sách công dân hưởng bảo hiểm xã hội tại các đơn vị địa phương trao đổi.

(2) **Kết quả thực hiện chuẩn hóa dữ liệu:** Công an xã phối hợp với các bộ phận chuyên môn để nhập thông tin các hội lên hệ thống dữ liệu DCQG.

8. Kết quả triển khai các mô hình điểm về Đề án 06 tại địa phương: Không.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, GIẢI PHÁP

1. Ưu điểm

- Đề án 06 là đề án lớn với việc đảm bảo dữ liệu dân cư đúng đủ sạch sống, kết nối chia sẻ với ban ngành và bảo đảm an ninh an toàn, bảo vệ dữ liệu theo đúng quy trình của pháp luật.

- Kết nối chia sẻ cơ sở dữ liệu với ban ngành, đảm bảo thông tin công dân được chính xác như: đăng ký nộp thuế, bảo hiểm, giao dịch ngân hàng, khám chữa bệnh. Đặc biệt đẩy mạnh việc kết nối, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQG về DC) với các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ công dân số; hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư và phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp theo đúng mục tiêu của Chính phủ đề ra trong Đề án giúp người dân giảm thời gian đi lại, tiết kiệm chi phí cho nhà nước. Thực hiện chuyển đổi số thực hiện các thủ tục hành chính trên dịch vụ công trực tuyến đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thiểu giấy tờ cho công dân trong thực hiện các giao dịch.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguy cơ

- Hệ thống dữ liệu dân cư chưa ổn định: như ký số thường xuyên lỗi, các phân hệ chưa có hướng dẫn cụ thể... gây khó khăn trong thực hiện các thủ tục hành chính trên hệ thống.

- Phần lớn người dân chưa tiếp xúc nhiều với các thiết bị công nghệ thông tin, dẫn đến khả năng tiếp cận và sử dụng Internet còn thấp, đây là khó khăn, trở ngại khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Cán bộ chưa được đào tạo chuyên sâu, phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực vì vậy trong quá trình thực hiện hiệu quả chưa cao.

- Khi thực hiện trên DVC khi lỗi mạng, hệ thống hồ sơ phải mất 3,4 ngày mới đến khi tiếp nhận không đúng thời gian quy định

- Phần mềm dữ liệu dân cư, phân hệ đăng ký thường trú không có chức năng bổ sung, điều chỉnh thông tin dân cư gây khó khăn trong quá trình thực

hiện công tác đăng ký thường trú nhất là đối với các trường hợp đăng ký thường trú cho công dân là trẻ em từ nguồn Bộ Tư pháp.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc thực hiện Đề án 06.

2. Thường xuyên quán triệt, tổ chức học tập chuyên sâu về lĩnh vực dịch vụ công trực tuyến cho toàn bộ cán bộ trong đơn vị nhằm nâng cao nhận thức và năng lực công tác.

3. Các hồ sơ thủ tục trên dịch vụ công được thực hiện đảm bảo, đúng thời gian quy định

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Tăng cường biên chế thêm cán bộ tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính cho công dân trực tiếp và qua dịch vụ công trực tuyến.

2. Nâng cấp hệ thống phần mềm, đường truyền Internet tạo thuận lợi cho việc giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.

3. Trường hợp dữ liệu khi tiếp nhận không trùng khớp thông tin sau khi cán bộ tiếp nhận đã trả hồ sơ, để tránh công dân phải làm lại từ khâu đầu tiên trên dịch vụ công đề xuất nâng cấp ở trạng thái trả hồ sơ để chỉnh sửa.

4. Đề nghị trang bị trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác giải quyết thủ tục cho công dân trên dịch vụ công trực tuyến.

5. Đề nghị các đơn vị chức năng tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ các đầu mối thực hiện giải quyết hồ sơ thủ tục trên dịch vụ công trực tuyến./.

Nơi nhận:

- Tổ Đề án 06 huyện;
- TTTr ĐU, HĐND, UBND xã;
- Các thành viên Tổ công tác Đề án 06 xã;
- Lưu: ĐA06, CAX

TM. TỔ CÔNG TÁC ĐỀ ÁN 06
TỔ TRƯỞNG

CHỦ TỊCH UBND XÃ
Bùi Quốc Bảo